

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2024

V/v “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Thúy Phượng**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Hiền**

Bà **K’Nga**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Thanh** - Thư ký Tòa án huyện Đam Rông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa:* bà **Nguyễn Thị Yến** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 24 tháng 12 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng mở phiên Tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 55/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông. Giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Hoàng Thị T**; Sinh năm: 2001

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ,, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Có mặt.

* **Bị đơn:** Ông **Phạm Văn T1**; Sinh năm: 1997

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa thì:**

Bà và ông T1 quen biết tìm hiểu nhau một thời gian khoảng một năm thì quyết định tiến tới hôn nhân; Ông bà đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân giữa bà và ông T1 là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán thì vợ chồng sinh sống và làm ăn tại địa phương. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc từ khi kết hôn tuy nhiên thời gian hai năm gần đây thì thường xuyên mâu thuẫn, dẫn đến cãi vã, xúc phạm lẫn nhau ảnh hưởng đến con cái. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, không có được sự đồng cảm, chia sẻ lẫn nhau. Đến

nay mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể cứu vãn được, bà và ông T1 đã không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2023 cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T1 không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn T1.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có một người con chung là cháu Phạm Hoàng Gia H, sinh ngày 18/3/2020. Khi ly hôn bà muốn nhận nuôi con chung cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn T1 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và không có quan điểm về yêu cầu của nguyên đơn trong hồ sơ vụ án.*

Vụ án đã được Tòa án tổ chức hòa giải nhưng không hòa giải được do bà T có đơn yêu cầu không tổ chức phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án và đường lối xử lý vụ án: Qua xem xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai nhận của các bên đương sự tại phiên tòa thì thấy rằng hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp, quá trình chung sống giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn nên dẫn đến không còn chung sống với nhau nữa, xét thấy tình cảm vợ chồng bà T và ông T1 không còn khả năng hàn gắn lại được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Về con chung, đề nghị giao con chung là cháu Phạm Hoàng Gia H, sinh ngày 18/3/2020 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không đặt ra để xem xét.

Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm định tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xuất phát từ việc mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải, hiện nay bà T và ông T1 đã không còn chung sống với nhau nữa. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và ông T1 có địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ vào khoản 1

Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** bà T và ông T1 đã tự nguyện tìm hiểu và quyết định đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo đúng quy định của pháp luật nên xác định hôn nhân là hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của ông bà không mang lại hạnh phúc như mong muốn, tồn tại nhiều mâu thuẫn do thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, khi mâu thuẫn đã cao đến đỉnh điểm, không còn khả năng hòa giải nên ông bà đã không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2023 cho đến nay. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn T1.

Về phía bị đơn ông T1, trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T1 không có mặt theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án mà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng ông T1 chưa chấp hành pháp luật tốt. Đồng thời căn cứ theo kết quả xác minh quan hệ hôn nhân của ông bà tại địa phương thì thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp.

[4] **Về con chung:** Quá trình chung sống bà T và ông T1 có 01 người con chung là cháu Phạm Hoàng Gia H, sinh ngày 18/3/2020. Bà T yêu cầu nhận nuôi con chung cho bà trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] **Về tài sản chung và nợ chung:** Bà T xác định không có tài sản chung và nợ chung, không có yêu cầu do đó HĐXX không xem xét đến.

[6] **Về án phí:** Buộc bà T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn T1 được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Hoàng Gia H, sinh ngày 18/3/2020 cho bà Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Ông Phạm Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Hoàng Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào toàn bộ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005379 ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông. Bà T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/12/2024), bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đam Rông;
- CC THADS huyện Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Phượng

